

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Cẩm Vân

2. Ngày tháng năm sinh: 27/09/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Nguyễn Huệ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 3, lô 5A, khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 3, lô 5A, ngõ 50, đường Trung Yên 9 (Nguyễn Bá Khoản) khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0983133388; E-mail: ncvantkt@neu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 02/2003 đến nay: Giảng viên Khoa Toán Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Địa chỉ cơ quan: Số 207, đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 02436280280.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 07 năm 2002;

Số văn bằng: B 0422636;

Ngành: Toán học;

Nơi cấp bằng ĐH: trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 04 năm 2017;

Số văn bằng: QC 135988;

Ngành: Tiếng Anh;

Nơi cấp bằng ĐH: trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 03 năm 2005;

Số văn bằng: QM 001475;

Ngành: Toán học;

Chuyên ngành: Toán Giải tích.

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 05 năm 2015;

Số văn bằng: 004643;

Ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế học (Toán Kinh tế);

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các công trình nghiên cứu của tôi trong nhiều năm qua tập trung vào ba hướng nghiên cứu chính bao gồm: Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Tác động của toàn cầu hoá đến phát triển kinh tế, Kinh tế môi trường và năng lượng. Những định hướng nghiên cứu này được thể hiện trong 31 công trình khoa học, được công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế uy tín, các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế có phản biện. Trong số đó, có 04 bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI và Scopus như: *Management of Environmental Quality* (Scopus journal), *Journal Of Organizational Behavior Research* (ESCI journal), *Journal of Asian Finance, Economics and Business* (ESCI, Scopus journal), *Decision Science Letters* (ESCI, Scopus journal). Các hướng nghiên cứu cụ thể gồm:

- **Hướng nghiên cứu thứ nhất: Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Đây là hướng nghiên cứu chủ đạo và xuyên suốt quá trình nghiên cứu của ứng viên kể từ khi bắt đầu học nghiên cứu sinh cho đến nay. Hướng nghiên cứu này được thể hiện rõ nét và được

phân tích tương đối toàn diện trong Luận án tiến sĩ thuộc ngành Kinh tế học với đề tài: “Các mô hình phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”. Trong công trình này, tôi đã vận dụng các lý thuyết về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế để phân tích quá trình chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế Việt Nam và đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Đóng góp quan trọng của luận án là làm sáng tỏ bản chất của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và mẫu hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam dựa trên ba phương pháp tiếp cận khác nhau: tiếp cận vào – ra, tiếp cận lý thuyết tăng trưởng mới và tiếp cận lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển. Về mặt thực tiễn, luận án đã đưa ra hàm ý chính sách về lựa chọn phát triển các ngành chủ chốt và lộ trình công nghiệp hoá phù hợp để thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

Các kết quả nghiên cứu theo hướng nghiên cứu thứ nhất được thể hiện trong các công trình nghiên cứu sau đây:

+ **11 công trình khoa học** được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước, các hội thảo khoa học quốc gia uy tín ([1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [26], [28], [29], [31]).

+ **04 đề tài KHCN các cấp** (01 đề tài KHCN cấp Trường [1], ứng viên là chủ nhiệm đề tài; 01 đề tài nhánh thuộc đề tài KH&CN cấp Quốc gia [6], ứng viên là chủ nhiệm đề tài nhánh; 02 đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường [2], [5], ứng viên là thành viên thực hiện đề tài).

+ **01 sách chuyên khảo** ([3], ứng viên là thành viên tham gia biên soạn); **01 sách tham khảo** ([2], ứng viên là thành viên chính tham gia biên soạn); **01 sách hướng dẫn** ([4], ứng viên là thành viên tham gia biên soạn).

Một số công trình khoa học tiêu biểu theo định hướng nghiên cứu này bao gồm:

+ Phân tích nguồn tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2000 - 2007 từ phía cầu: tiếp cận vào – ra, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, Số chuyên san, tháng 08/2012, trang 52 - 60.

+ Ứng dụng phân tích đầu vào - đầu ra để đo lường thay đổi cơ cấu ngành và nền kinh tế Việt Nam thời kỳ 1989 - 2007, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Đào tạo và ứng dụng Toán học trong kinh tế - xã hội”, tháng 05/2013, trang 259 - 290, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, ISBN: 978-604-927-715-3.

+ Mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1989 - 2011, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “*Kinh tế Việt Nam đến năm 2025: Cơ hội và thách thức*”, tháng 10/2014, trang 207 - 230, NXB Thế giới, Giấy phép xuất bản số 1094-2014/CXB/02-75/ThG.

+ Tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam: một phân tích dựa trên SSA, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “*Khơi nguồn động lực tăng trưởng trong bối cảnh mới của hội nhập*”, tháng 03/2015, trang 817 - 835, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, ISBN: 978-604-927-873-0.

+ Số hoá và tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Phân tích định lượng các vấn đề kinh tế và xã hội trong môi trường số” (tháng 04/2022), trang 77 - 89, NXB Thanh niên, ISBN: 978-604-358-602-2.

Ban

- **Hướng nghiên cứu thứ hai: Tác động của toàn cầu hoá đến phát triển kinh tế**

Sau khi hoàn thành luận án tiến sĩ, tôi tiếp tục phát triển và mở rộng hướng nghiên cứu thứ nhất trên cơ sở tích hợp lý thuyết phát triển kinh tế với các lý thuyết về toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế để nghiên cứu các tác động của toàn cầu hoá đến phát triển kinh tế. Theo hướng nghiên cứu này, tôi tập trung phân tích, đánh giá tác động của quá trình toàn cầu hoá đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội ở Việt Nam. Các kết quả theo hướng nghiên cứu này được thể hiện trong các công trình nghiên cứu sau đây:

+ **11 công trình khoa học** được công bố trên các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế uy tín, hội thảo khoa học quốc tế có phản biện bao gồm: [10], [12], [13], [14], [15], [16], [17], [19], [23], [25], [27]. Trong đó có 01 bài báo ([10]) được công bố trên tạp chí *Journal Of Organizational Behavior Research* (tạp chí thuộc danh mục ISI (ESCI)) mà ứng viên là tác giả chính, 02 bài báo khoa học ([13], [15]) được đăng trên tạp chí *Journal of Economics and Development* (thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu ACT).

+ **01 đề tài KHCN cấp Trường** ([4], ứng viên là chủ nhiệm đề tài).

+ **01 sách chuyên khảo** ([1], ứng viên là chủ biên đồng thời là tác giả duy nhất).

Một số công trình khoa học điển hình theo hướng nghiên cứu này bao gồm:

+ Impact of Globalization on Industrial Development in Vietnam: Evidence from Time Series Analysis, *Journal of Economics and Development*, Vol.21, Special Issue, January 2019, pp. 5 - 22.

+ Tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, Số 137 + 138 (tháng 1 + 2/2020), trang 50 - 60.

+ Tác động của toàn cầu hóa đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, Số 271 (tháng 01/2020), trang 30 - 40.

+ Globalization And Economic Growth: An Empirical Evidence From Vietnam, *Journal Of Organizational Behavior Research*, Vol 6 (1), March 2021, pp. 173 - 188 (tạp chí ESCI).

+ The impact of economic globalization on the human development in Vietnam: error correction model analysis, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế VIAMC 2017: "The second Vietnam international applied mathematics conference", tháng 12/2017, trang 161 - 176, NXB Thông tin và Truyền thông, ISBN: 978-604-80-3259-3.

- **Hướng nghiên cứu thứ ba: Kinh tế môi trường và năng lượng**

Phát triển kinh tế bền vững gắn liền với giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường. Do đó, trong những năm gần đây, tôi tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu thứ ba về kinh tế môi trường và năng lượng, tập trung chủ yếu vào mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, chất lượng môi trường và tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo. Đây là chủ đề nghiên cứu có tính thời sự và thu hút được sự quan tâm ngày càng tăng của các nhà khoa học ở Việt Nam và trên thế giới vì phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường là ba trụ cột của phát triển bền vững, là nền tảng của phát triển hiện đại.

Hiện nay, thiếu hụt năng lượng, an ninh năng lượng, các vấn đề ô nhiễm môi trường đã trở thành những yếu tố chính hạn chế sự phát triển bền vững của các quốc gia. Năng lượng tái tạo có triển vọng trở thành đầu vào quan trọng cho cuộc cách mạng sản xuất trong tương lai bởi đây là nguồn năng lượng sạch, dồi dào, bền vững và phân bố đồng đều, hầu hết các quốc gia và khu vực đều có tài nguyên năng lượng tái tạo. Vì năng lượng tái tạo có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường nên tôi tập trung tìm hiểu, phân tích, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến tiêu thụ năng lượng tái tạo và chất lượng môi trường ở các nước đang phát triển như Việt Nam.

Các kết quả nghiên cứu theo hướng thứ ba được thể hiện trong các công trình nghiên cứu sau đây:

+ **09 công trình khoa học** được công bố trên các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế uy tín, hội thảo khoa học quốc gia bao gồm: [8], [9], [11], [18], [20], [21], [22], [24], [30]. Trong danh mục này, ứng viên là tác giả chính của 01 bài báo khoa học ([11]) được công bố trên tạp chí *Management of Environmental Quality* (**tạp chí thuộc danh mục Scopus, Q2**), 02 bài báo khoa học ([8], [9]) được đăng trên **tạp chí thuộc danh mục ISI (ESCI) và Scopus (Q3)**.

+ **03 đề tài nhánh** thuộc đề tài KH&CN cấp Quốc gia ([3], ứng viên tham gia với vai trò là thành viên).

Một số công trình nghiên cứu điển hình theo định hướng nghiên cứu thứ ba bao gồm:

+ Impact of globalization on CO₂ emissions in Vietnam: an autoregressive distributed lag approach, *Decision Science Letters*, Vol 9 No. 2, April 2020, pp. 257 - 270 (**tạp chí ESCI, Scopus (Q3)**).

+ Renewable energy consumption, nonrenewable energy consumption, CO₂ emissions and economic growth in Vietnam, *Management of Environmental Quality*, Vol.33 No.2, February 2022, pp. 419 - 434 (**tạp chí Scopus (Q2)**).

+ Tiêu thụ năng lượng tái tạo, tăng trưởng kinh tế, đô thị hoá, công nghiệp hoá và phát thải CO₂ ở Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, Số 4 (527) tháng 04/2022, trang 58 - 66.

+ Chất lượng thể chế, tăng trưởng kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tiêu thụ năng lượng tái tạo và phát thải CO₂ ở Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, Số 164 tháng 04/2022, trang 15 - 27.

+ Tác động của toàn cầu hoá, đô thị hoá, ô nhiễm môi trường đến tiêu thụ năng lượng tái tạo ở Việt Nam, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, Số 5 (513) tháng 05/2022, trang 65 - 77.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 00 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **06 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành **06 đề tài KH&CN** từ cấp Trường trở lên:
 - + Chủ trì 02 đề tài KH&CN cấp Trường (đã nghiệm thu);

+ Chủ trì 01 đề tài nhánh thuộc đề tài KH&CN cấp Quốc gia (tương đương đề tài cấp Bộ, đã nghiệm thu);

+ Thành viên của 02 đề tài KH&CN trọng điểm cấp Trường (đã nghiệm thu); 03 đề tài nhánh thuộc đề tài KH&CN cấp Quốc gia (đã nghiệm thu);

- Đã công bố **31 bài báo khoa học** trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế uy tín, các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế có phản biện, trong đó có 04 bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus mà ứng viên là tác giả chính;

- Đã được cấp (số lượng) 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **04**, trong đó:

+ Chủ biên **01** sách chuyên khảo do NXB Đại học Kinh tế Quốc dân phát hành tháng 12/2020;

+ Tham gia biên soạn **01** sách chuyên khảo do NXB Đại học Kinh tế Quốc dân phát hành năm 2020;

+ Tham gia biên soạn **01** sách tham khảo do NXB Đại học Kinh tế Quốc dân phát hành năm 2017;

+ Tham gia biên soạn **01** sách hướng dẫn do NXB Đại học Kinh tế Quốc dân phát hành năm 2017.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

+ Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2014 - 2015;

+ Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2017 - 2018;

+ Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2018 - 2019;

+ Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2019 - 2020;

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2018 - 2019 và 2019 - 2020;

+ Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp Bộ: năm học 2020 - 2021 (Quyết định số: 326/QĐ-BGDĐT ngày 21/01/2022).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tốt nghiệp đại học năm 2002 và được làm việc tại trường Đại học Kinh tế quốc dân kể từ đầu năm 2003. Với vai trò là một giảng viên, tôi luôn cố gắng, nỗ lực không ngừng để đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển của trường Đại học Kinh tế Quốc dân nói chung và của Khoa Toán Kinh tế nói riêng. Sau đây tôi xin tự đánh giá bản thân dựa trên các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:

- Tiêu chuẩn của nhà giáo: Ứng viên đáp ứng đầy các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định tại Điều 67, Luật Giáo dục ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019, cụ thể như sau: có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt; đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí, việc làm; có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; bảo đảm sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp.

- Nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định tại Điều 69, Luật Giáo dục ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019 như: giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục; gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; tích cực và chủ động học tập và rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

Là giảng viên của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, luôn chủ động và tích cực học hỏi, hợp tác với các đồng nghiệp trong và ngoài trường, luôn nêu gương tốt cho các thế hệ sinh viên, được nhiều sinh viên quý trọng và yêu mến. Bên cạnh đó, tôi không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và các kỹ năng cần thiết cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác nhằm đóng góp có hiệu quả vào đổi mới hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của người học và của xã hội đối với giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

+ Nhiệm vụ giảng dạy và đào tạo: Tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy các môn học được phân công cho sinh viên các hệ: đại học chính quy, văn bằng 2, đại học từ xa, vừa làm vừa học, liên thông đại học, dự bị đại học. Bên cạnh đó, tôi còn tham gia giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh cho các chương trình đào tạo bậc cử nhân ở trường Đại học Kinh tế Quốc dân (như chương trình Khoa học dữ liệu trong Kinh tế và Kinh doanh, Định phí Bảo hiểm và Quản trị rủi ro (Actuary), Phân tích kinh doanh, Kinh tế học tài chính, Quản trị Điều hành thông minh, Quản trị Khách sạn quốc tế). Tôi luôn tích cực tham gia các hoạt động đào tạo: xây dựng chương trình, đề cương môn học/học phần, biên soạn giáo trình và các tài liệu học tập. Ngoài ra, tôi còn tích cực tham gia hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề tốt nghiệp, luận văn cao học, tham gia các Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường, Hội đồng thẩm định giáo trình.

+ Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Kể từ khi hoàn thành luận án tiến sĩ, tôi dành nhiều thời gian và tâm sức cho hoạt động nghiên cứu khoa học: tích cực viết các bài báo khoa học, chủ trì và tham gia các đề tài khoa học, chủ động tham dự các hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế để tìm tòi, phát triển và mở rộng các ý tưởng nghiên cứu, tăng cường giao lưu, trao đổi và học hỏi kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu từ các đồng nghiệp, các chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài nước. Tôi luôn cố gắng gắn kết các kết quả và phương pháp nghiên cứu khoa học vào phục vụ hoạt động giảng dạy, đào tạo và hướng dẫn sinh viên, cao học viên. Những nỗ lực của bản thân đã mang đến cho tôi những cơ hội quý giá, giúp tôi giới thiệu được những nghiên cứu của mình trên các tạp chí khoa học uy tín ở trong và ngoài nước, trong đó có một số công trình được công bố trên các tạp chí được xếp hạng trong cơ sở dữ liệu ISI/Scopus và số giờ nghiên cứu khoa học của tôi luôn vượt định mức quy định đối với giảng viên của trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Đánh giá chung: Trong quá trình công tác hơn 19 năm tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi luôn nỗ lực, cố gắng và không ngừng phấn đấu để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của một nhà giáo, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của một giảng viên đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm liên tục tham gia công tác đào tạo tại Khoa Toán Kinh tế, trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Kết quả tham gia đào tạo từ trình độ đại học trở lên của 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016 - 2017	0	0	1	0	418	0	418/566,9/216
2	2017 - 2018	0	0	0	2	405	0	405/505,2/270
3	2018 - 2019	0	0	0	2	342	0	342/442,5/243
03 năm học cuối								
4	2019 - 2020	0	0	2	2	273	0	273/511,3/216
5	2020 - 2021	0	0	3	0	288	0	288/495,6/216
6	2021 - 2022	0	0	0	0	279	0	279/417,9/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Số bằng: QC 135988; năm cấp: 2017.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân Tiếng Anh.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đoàn Thị Linh		HVCH	✓		19/04/2016 – 01/11/2016	Đại học Kinh tế Quốc dân	ngày 10/01/2017
2	Phạm Quốc Đạt		HVCH	✓		30/12/2019 – 30/09/2020	Đại học Kinh tế Quốc dân	ngày 25/01/2021
3	Phạm Thùy Dương		HVCH	✓		30/12/2019 – 30/09/2020	Đại học Kinh tế Quốc dân	ngày 25/02/2021
4	Triệu Văn Khoa		HVCH	✓		31/12/2020 – 09/2021	Đại học Nông – Lâm Bắc Giang	ngày 21/09/2021

5	Hoàng Thanh Luân		HVCH	✓		31/12/2020 - 09/2021	Đại học Nông – Lâm Bắc Giang	ngày 21/09/2021
6	Trần Hoàng Khánh		HVCH	✓		29/12/2020 - 30/10/2021	Đại học Kinh tế Quốc dân	ngày 22/04/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
...							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Tác động của toàn cầu hoá đến tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020 ISBN: 978-604-946-931-2 QĐXB số: 485/QĐ-NXBĐHKTQD ngày 18/12/2020, Nộp lưu chiểu năm 2020	01	✓	Biên soạn toàn bộ quyển sách, trang 1 - 196	GXN Số 02/GXN-ĐHKTQD ngày 15/06/2022
2	Năng suất lao động Việt Nam: Tiềm năng và thách thức hội nhập	TK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017 ISBN: 978-604-946-271-9 QĐXB số: 316/QĐ-NXBĐHKTQD ngày 28/06/2017, Nộp lưu chiểu năm 2017	05		Biên soạn Chương 1: mục 1.3, 1.4 trang 42-59; Chương 2: toàn bộ chương, trang 67-102	GXN Số 02/GXN-ĐHKTQD ngày 15/06/2022

3	Đánh giá kinh tế Việt Nam thường niên năm 2019: Cải thiện năng suất lao động trong bối cảnh kinh tế số	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020 ISBN: 978-604-946-796-7 QĐXB số: 101/QĐ-NXBĐHKQTĐ ngày 09/04/2020, Nộp lưu chiều năm 2020	16		Biên soạn từ trang 220 - 240; 271 - 283	GXN Số 02/GXN- ĐHKQTĐ ngày 15/06/2022
4	Hướng dẫn giảng dạy và học tập môn Toán cho các nhà kinh tế 1	HD	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017 ISBN: 978-604-946-196-5 QĐXB số 340/QĐ-NXBĐHKQTĐ, ngày 30/12/2016 Nộp lưu chiều năm 2017	12		Biên soạn từ trang 157-176	GXN Số 02/GXN- ĐHKQTĐ ngày 15/06/2022

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau khi được công nhận TS: 01 sách chuyên khảo [1].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiều, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Đề tài KHCN cấp Trường: “Mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1989 – 2011”	Chủ nhiệm	Mã số: T.2012.17 Đề tài KHCN cấp Trường	06/2012 – 11/2013	Nghiệm thu ngày 05/11/2013, Xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận TS				
2	Đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường: “Báo cáo năng suất lao động của Việt Nam: tiềm năng và thách thức hội nhập”	Thành viên chính	Mã số: KTQD2016.03TĐ Đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường	10/2016 – 06/2017	Nghiệm thu ngày 09/06/2017, Xếp loại: Xuất sắc
3	Đề tài nhánh: “Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu”	Thành viên thực hiện		12/2016 – 07/2017	Nghiệm thu ngày 04/07/2017, Xếp loại: Tốt
	Đề tài nhánh: “Nghiên cứu tính tất yếu chuyển đổi sang mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long”	Thành viên thực hiện		12/2016 – 07/2017	Nghiệm thu ngày 14/07/2017, Xếp loại: Tốt
	Đề tài nhánh: “Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long”	Thành viên thực hiện		12/2016 – 10/2017	Nghiệm thu ngày 31/10/2017, Xếp loại: Tốt

Vsh

	thuộc đề tài KH&CN cấp Quốc gia: “Nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế ứng phó với xâm nhập mặn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long: thí điểm tại một số huyện điển hình”		Mã số: BĐKH.05/16-20 Đề tài KH&CN cấp Quốc gia		
4	Đề tài KHCN cấp Trường: “Tác động của toàn cầu hóa đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam”	Chủ nhiệm	Mã số: KTQD/V2018.40 Đề tài KHCN cấp Trường	06/2018 – 06/2019	Nghiệm thu ngày 11/07/2019, Xếp loại: Xuất sắc
5	Đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường: “Đánh giá kinh tế Việt Nam thường niên 2019: Những động lực cải thiện năng suất lao động trong bối cảnh kinh tế số”	Thành viên thực hiện	Mã số: KTQD.2019.01TĐ Đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường	07/2019 – 03/2020	Nghiệm thu ngày 24/03/2020, Xếp loại: Tốt
6	Đề tài nhánh: “Xây dựng tài liệu mô hình quản trị điểm hạn chế TOC để nâng cao năng suất cho các doanh nghiệp Việt Nam & báo cáo đề xuất phương án nhân rộng mô hình quản trị điểm hạn chế TOC vào doanh nghiệp Việt Nam” thuộc đề tài KH&CN cấp Quốc gia: “Nghiên cứu, xây dựng, phổ biến hướng dẫn áp dụng mô hình quản trị điểm hạn chế (TOC) để nâng cao năng suất cho các doanh nghiệp Việt Nam”	Chủ nhiệm đề tài nhánh	Mã số: 03.11/2019/HĐ_DA 2 Đề tài KH&CN cấp Quốc gia	11/2019 – 12/2020	Nghiệm thu ngày 16/12/2020, Xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, Năm công bố
A. Trước khi được công nhận TS								
A1. Bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế								
A2. Bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước								
1	Phân tích nguồn tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2000 – 2007 từ phía cầu: tiếp cận vào - ra	2	✓	Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012			Số chuyên san, trang 52 - 60	08/2012
2	Đóng góp của chuyển dịch lao động vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1995 - 2011	2	✓	Tạp chí Kinh tế & Dự báo ISSN 0866-7120			Số 6 (542), trang 40-42	06/2013
A3. Báo cáo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế								
A4. Báo cáo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia								
3	Mô hình kinh tế Việt Nam trong thời kỳ 1986 – 2008: đánh giá và khuyến nghị	3		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam: Thực trạng và lựa chọn cho giai đoạn 2011 – 2020”, ISBN: 978-604-909-360-9			trang 346 - 371	06/2010

Bsh

4	Ứng dụng phân tích đầu vào – đầu ra để đo lường thay đổi cơ cấu ngành và nền kinh tế Việt Nam thời kỳ 1989 – 2007	1	✓	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Đào tạo và ứng dụng Toán học trong kinh tế - xã hội”, ISBN: 978-604-927-715-3			trang 259 - 290	05/2013
5	Mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1989 – 2011	1	✓	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Kinh tế Việt Nam đến năm 2025: Cơ hội và thách thức”, Giấy phép xuất bản: 1094-2014/CXB/02-75/ThG, NXB Thế giới			trang 207 - 230	10/2014
6	Tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam: một phân tích dựa trên SSA	2	✓	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Khơi nguồn động lực tăng trưởng trong bối cảnh mới của hội nhập”, ISBN: 978-604-927-873-0			trang 817- 835	03/2015
7	Chất lượng nguồn nhân lực ở Việt Nam	1	✓	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Khơi nguồn động lực tăng trưởng trong bối cảnh mới của hội nhập”, ISBN: 978-604-927-873-0			trang 709- 720	03/2015

B. Sau khi được công nhận TS

B1. Bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế								
8	Impact of globalization on CO2 emissions in Vietnam: an autoregressive distributed lag approach DOI:10.5267/j.dsl.2019.10.001	2	✓	Decision Science Letters ISSN 1929-5812 (Online); ISSN 1929-5804 (Print)	ISI (ESCI) Scopus (IF = 2.51 (2020), Q3)	21	Vol. 9 Issue 2, pp. 257-270	04/2020

Đã kiểm tra

9	Impact of Globalization on Coal Consumption in Vietnam: an Empirical Analysis DOI:10.13106/jafeb.2020.vo17.no6.185	2	✓	Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4645 (Online); ISSN: 2288-4637 (Print)	ISI (ESCI) , Scopus (IF = 4.74 (2020), Q3)	6	Vol.7 No.6, pp. 185-195	06/2020
10	Globalization And Economic Growth: An Empirical Evidence From Vietnam DOI: 10.51847/1PIOmlpSNh	2	✓	Journal Of Organizational Behavior Research ISSN: 2528-9705	ISI (ESCI)		Vol 6 (1), pp. 173-188	03/2021
11	Renewable energy consumption, nonrenewable energy consumption, CO ₂ emissions and economic growth in Vietnam DOI: 10.1108/MEQ-08-2021-0199	2	✓	Management of Environmental Quality ISSN: 1477-7835	Scopus (IF = 4.77 (2021), Q2)	1	Vol.3 3 No.2, pp.41-434	02/2022
B2. Bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước								
12	Khủng hoảng kinh tế thế giới và sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012			Số Đặc biệt, trang 118-126	09/2016
13	Impact of globalization on economic growth in Vietnam: an empirical analysis	2	✓	Journal of Economics and Development ISSN: 1859-0020		2	Vol 20 No.1, April 2018, pp. 32-47	04/2018

Handwritten signature

				Tạp chí		Số 256	
14	Tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ ở Việt Nam	3	✓	Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012		(II), trang 19-29	10/2018
15	Impact of Globalization on Industrial Development in Vietnam: Evidence from Time Series Analysis	1	✓	Journal of Economics and Development ISSN: 1859-0020		Vol.2 1, Special Issue, pp. 5-22	01/2019
16	Tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam	1	✓	Tạp chí Khoa học Thương mại ISSN: 1859-3666		Số 137 + 138, trang 50-60	01+02/2 020
17	Tác động của toàn cầu hóa đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam	1	✓	Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012		Số 271, trang 30-40	01/2020
18	Tác động của các nhân tố kinh tế, xã hội và môi trường đến tiêu thụ năng lượng tái tạo ở Việt Nam	1	✓	Tạp chí Khoa học Thương mại ISSN: 1859-3666		Số 161, trang 3-12	01/2022
19	Toàn cầu hoá tài chính, toàn cầu hoá thương mại và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	1	✓	Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012		Số 297, trang 2-12	03/2022
20	Chất lượng thể chế, tăng trưởng kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tiêu thụ năng lượng tái tạo và phát thải CO ₂ ở Việt Nam	1	✓	Tạp chí Khoa học Thương mại ISSN: 1859-3666		Số 164, trang 15-27	04/2022
21	Tiêu thụ năng lượng tái tạo, tăng trưởng kinh tế, đô thị hoá, công nghiệp hoá và phát thải CO ₂ ở Việt Nam	1	✓	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế ISSN: 0866-7489		Số 4 (527), trang 58-66	04/2022

Ban

22	Toàn cầu hoá, phát triển tài chính, tăng trưởng kinh tế, ô nhiễm môi trường và tiêu thụ năng lượng tái tạo ở Việt Nam	1	✓	Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012		Số 299, trang 34-43	05/2022
23	Đầu tư trực tiếp nước ngoài và thương mại quốc tế có thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến chế tạo ở Việt Nam hay không?	1	✓	Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế ISSN: 2615-9848		Số 146, trang 1-19	05/2022
24	Tác động của toàn cầu hoá, đô thị hoá, ô nhiễm môi trường đến tiêu thụ năng lượng tái tạo ở Việt Nam	1	✓	Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới ISSN: 0868-2984		Số 5 (513), trang 65-77	05/2022
B3. Báo cáo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế							
25	The impact of economic globalization on the human development in Vietnam: error correction model analysis	2	✓	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế VIAMC 2017: “The second Vietnam international applied mathematics conference”, ISBN: 978-604-80-3259-3		trang 161- 176	12/2017
B4. Báo cáo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia							
26	Tăng trưởng nông nghiệp và phát triển kinh tế ở Việt Nam	1	✓	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững”, ISBN: 978-604-946-024-1		trang 138- 157	11/2015
27	Một số khuyến nghị nhằm nắm bắt cơ hội từ việc thực thi các cam kết TPP ở Việt Nam	1	✓	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2015, cơ hội và thách thức trước thêm hội nhập mới”, ISBN: 978-604-946-058-6		trang 367- 380	03/2016

28	Nguồn tăng trưởng năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 1996 - 2016	4		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “ <i>Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam và vai trò của nhà nước kiến tạo trong hoàn thiện thể chế và môi trường kinh doanh</i> ”, ISBN: 978-604-946-221-4			trang 87- 104	03/2017
29	Vai trò của các khu vực kinh tế đối với tăng năng suất lao động ở Việt Nam	1	✓	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “ <i>Kinh tế Việt Nam năm 2017 và triển vọng năm 2018: Tháo gỡ rào cản đối với sự phát triển của doanh nghiệp</i> ”, ISBN: 978-604-946-405-8			trang 403- 426	03/2018
30	Tác động của chất lượng thể chế, tiêu thụ năng lượng tái tạo, ô nhiễm môi trường đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	1	✓	Kỷ yếu hội thảo Khoa học quốc gia: “ <i>Kinh tế Việt Nam năm 2021 và triển vọng năm 2022: Ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh đại dịch COVID-19</i> ”, ISBN: 978-604-330-227-1			trang 555 - 570	04/2022
31	Số hoá và tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam	1	✓	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “ <i>Phân tích định lượng các vấn đề kinh tế và xã hội trong môi trường số</i> ” ISBN: 978-604-358-602-2			trang 77-89	04/2022

Bh

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 04 bài báo khoa học [8], [9], [10], [11] được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TĐTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy năm 2021 của trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Ngành Toán Kinh tế)	Tham gia	Số 114/QĐ-ĐHKTQD ngày 11 tháng 03 năm 2021	Đại học Kinh tế Quốc dân		Chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy sau rà soát, cập nhật đã được đưa vào áp dụng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân
2	Cập nhật và hoàn thiện bộ đề cương học phần thuộc các chương trình đào tạo đại học chính quy chuẩn của trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tham gia	Số 37/QĐ-ĐHKTQD ngày 21 tháng 01 năm 2022	Đại học Kinh tế Quốc dân		Bộ đề cương học phần thuộc các chương trình đào tạo đại học chính quy chuẩn đã được đưa vào áp dụng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

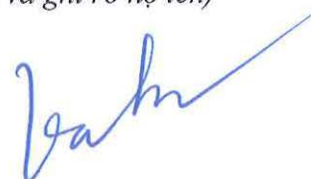
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Cẩm Vân